

Số: 429/BC-SNN

Trà Vinh, ngày 29 tháng 7 năm 2016

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 7 và chương trình công tác tháng 8 năm 2016

Trong tháng, sản xuất nông nghiệp có một số thuận lợi cơ bản như: Mưa đều trên diện rộng, độ mặn giảm và lùi về phía biển, không còn ảnh hưởng đến sản xuất; các loại bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi không phát sinh; công tác tư vấn, tập huấn, chuyển giao khoa học tiếp tục được tăng cường. Tuy nhiên, cũng có một số khó khăn như mưa liên tục, độ ẩm cao, sâu bệnh phát sinh nhiều, nông dân gặp khó trong việc phòng trị, đặc biệt bệnh đạo ôn trên cây lúa phải công bố dịch; giá tôm thẻ chân trắng, cá lóc, dưa khô, heo hơi giảm so với tháng trước. Tình hình xây dựng nông thôn mới và các công tác chuyên ngành tiếp tục được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ của các ngành, các cấp nên đạt được kết quả khả quan. Tình hình cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

- Xuống giống 24.237 ha lúa Hè Thu, nâng tổng diện tích xuống giống dứt điểm vụ này 77.719 ha, đạt 99,6% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.435 ha. Thu hoạch 1.658 ha, nâng tổng số thu hoạch vụ này đến nay 1.818 ha, năng suất trung bình 4,36 tấn/ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh trong tháng 10.733 ha (tăng 6.200 ha so cùng kỳ), nguyên nhân do mưa liên tục kéo dài, nông dân gặp khó trong việc phun xịt thuốc phòng, trị, gồm: Đạo ôn lá 7.478 ha, tỷ lệ 5- 30% (3.537 ha tỷ lệ 20-50%, 1.579 ha tỷ lệ >70%) ở các huyện Càng Long, Châu Thành, Tiểu Cần, Trà Cú, Cầu Kè; rầy nâu 3.122 ha, mật số 750 - 3.000 con/m², cục bộ có 780 ha mật số 3.000-8.000 con/m² ở các xã Mỹ Cẩm, An Trường A, Huyện Hội, Bình Phú huyện Càng Long; ngoài ra, còn có lem lép hạt, sâu cuốn lá nhỏ gây hại nhẹ. Huyện Càng Long xuống giống Thu Đông sớm 615 ha.

- Gieo trồng 3.888 ha cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác, nâng tổng diện tích gieo trồng đến nay 37.653 ha, đạt 65,7% kế hoạch cả năm, thấp hơn cùng kỳ 3.565 ha, trong đó: Màu lương thực 4.775 ha, màu thực phẩm 20.144 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 12.735 ha.

- Triển khai thực hiện công tác phòng trừ dịch bệnh đạo ôn trên lúa Hè Thu năm 2016 theo Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Công văn số 778/SNN-KHTC của Sở Nông nghiệp và PTNT. Kết hợp tổ chức 96 lớp tập huấn, thăm đồng phòng trừ bệnh trên lúa cho 2.985 lượt nông dân tại huyện Càng Long, Tiểu Cần và thành phố Trà Vinh. Tô

chức 08 chuyên khám bệnh lưu động, kết hợp tập huấn hướng dẫn phòng trị bệnh trên cây trồng cho 489 nông dân tại huyện Càng Long, Trà Cú, Tiểu Cần, Châu Thành. Xây dựng 02 mô hình khắc phục thiệt hại do mặn trên cây chôm chôm, đã phun thuốc kích thích ra rễ và tưới phân lần 3 theo quy trình; tiếp tục theo dõi 3 mô hình quản lý chồi rồng hại nhãn và xử lý theo qui trình.

b) Chăn nuôi, thú y:

Trong tháng, các loại dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm không phát sinh.

Thực hiện tiêm phòng cúm 250.871 con gia cầm, tiêm phòng LMLM 8.192 con gia súc, tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên 126.786 con gia súc; tiêm phòng đại chó, mèo 337 con. Lũy kế đến nay, tiêm phòng cúm 1,55 triệu con gia cầm, đạt 47,2% so diện tiêm; tiêm phòng LMLM 33.332 con gia súc, đạt 40,4% so diện tiêm; tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên 712.035 con gia súc (dịch tả 251.356 con, tụ huyết trùng 228.883 con, phó thương hàn 213.796 con); tiêm phòng đại chó, mèo 1.191 con; vệ sinh tiêu độc sát trùng môi trường hơn 14,1 triệu m² chuồng trại của 265.547 lượt hộ chăn nuôi.

Kiểm dịch động vật xuất, nhập tỉnh được 48.955 con gia súc, 1,2 triệu con gia cầm 3,7 triệu quả trứng và 191 tấn sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ 70 lượt cơ sở. Lũy kế đến nay kiểm dịch 165.468 con gia súc, 2,4 triệu con gia cầm 19,2 triệu quả trứng và 663 tấn sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ 789 lượt cơ sở giết mổ, phát hiện 17 trường hợp vi phạm (thân thịt lưu thông, mua bán không có dấu kiểm soát giết mổ).

Hiện trên toàn tỉnh có 12 cơ sở giết mổ tập trung hoạt động ổn định, bình quân giết mổ 90 gia súc/cơ sở/ngày đêm và 1.000 gia cầm/cơ sở/ngày đêm. Trạm trung chuyển heo xã Ninh Thới trung bình trung chuyển 60/ngày. Cơ quan chuyên môn tiếp tục hỗ trợ xây dựng thêm cơ sở giết mổ tập trung tại huyện Cầu Ngang.

Kết hợp với địa phương triển khai bình tuyến, phân loại, đánh giá, bám tai theo dõi đàn heo đực giống 37 cơ sở với 242 con. Triển khai thực hiện phong trào cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi có 4.109 cơ sở, hộ chăn nuôi ký cam kết (33 cơ sở giết mổ, 195 cơ sở kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, 3.875 hộ chăn nuôi, 03 cơ sở ấp trứng, 03 cơ sở quảng cáo thức ăn chăn nuôi tổ chức hội thảo).

c) Lâm nghiệp:

Thực hiện thiết kế trồng rừng, xây dựng dự toán thi công trồng rừng năm 2016, diện tích 68 ha, chăm sóc cây giống chuẩn bị trồng 130 ha rừng phòng hộ. Trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố được 41.000 cây, đạt 82% kế hoạch.

- Tổ chức 91 lượt tuần tra bảo vệ rừng, nâng tổng số đến nay tổ chức 573 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 10 trường hợp vi phạm, làm thiệt hại 1.913 m² rừng, đã tiến hành xử lý theo quy định. Hoàn thành hồ sơ thanh quyết toán công trình vệ sinh phòng cháy rừng năm 2016.

- Hoàn thành phương án khai thác tận thu diện tích rừng bị thiệt hại do thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp xã Long Vĩnh,

và rừng đước chết do sâu bệnh tại khu Bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn xã Long Khánh, huyện Duyên Hải; trình UBND tỉnh xin chủ trương thực hiện phương án khai thác tận thu rừng phi lao chết do nấm bệnh tại ấp Hồ Thùng, Phước Thiện, xã Đông Hải.

- Tổ chức 02 lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và quản lý bảo vệ rừng cho 65 hộ dân sống tiếp giáp với rừng trên địa bàn xã Long Khánh, Đông Hải. Nâng tổng số đến nay tổ chức 13 lớp cho 430 hộ dân sống tiếp giáp với rừng trên địa bàn xã Long Khánh, Long Vĩnh, Trường Long Hòa và Đông Hải.

d) Thủy sản: Sản lượng thu hoạch trong tháng 15.902 tấn, giảm 2.169 tấn so với cùng kỳ. Nâng tổng sản lượng thu hoạch đến nay 85.432 tấn (đạt 47,2% kế hoạch), giảm 2.642 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi 2.527 ha (giảm 424 ha), thu hoạch 10.931 tấn (giảm 558 tấn). Nâng tổng diện tích thả nuôi đến nay 36.838 ha, đạt 86,27% kế hoạch, thu hoạch 47.340 tấn, đạt 46,78% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 4.106 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Diện tích thả nuôi 2.221 ha (tăng 98 ha), thu hoạch 7.764 tấn (giảm 627 tấn). Lũy kế đến nay thả nuôi 35.385 ha (tăng 2.502 ha), tập trung các đối tượng nuôi chủ yếu như: Tôm sú thả nuôi 1,55 tỷ con giống (17.420 ha), tôm thẻ chân trắng thả nuôi 1,87 tỷ con giống (4.063 ha), cua biển 183 triệu con (13.607 ha). Thu hoạch 20.252 tấn, cao hơn cùng kỳ 1.064 tấn, gồm tôm sú 5.290 tấn, tôm chân trắng 10.559 tấn, cua biển 3.251 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, gây bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng làm thiệt hại 26,4 triệu con tôm sú giống, 67,4 triệu con tôm thẻ chân trắng. Lũy kế đến nay thiệt hại 351 triệu con tôm sú giống (chiếm 22,6%), 421 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 22,4%).

+ Vùng nước ngọt: Diện tích thả nuôi 306 ha (giảm 522 ha), thu hoạch 3.167 tấn (tăng 69 tấn). Lũy kế đến nay thả nuôi 1.452 ha, giảm 64 ha so với cùng kỳ (cá lóc 182 ha, tôm càng xanh 570 ha, còn lại chủ yếu là cá các loại); thu hoạch 27.089 tấn (tăng 3.043 tấn so với cùng kỳ), gồm: Cá lóc 14.716 tấn, cá tra 5.371 tấn, tôm càng xanh 289 tấn, còn lại là các loại khác.

- Khai thác: Sản lượng 4.971 tấn, giảm 1.611 tấn so cùng kỳ. Nâng tổng sản lượng khai thác đến nay 38.092 tấn (6.817 tấn tôm), đạt 47,73% kế hoạch, giảm 6.749 tấn so cùng kỳ, gồm: Khai thác nội đồng 4.823 tấn (1.869 tấn tôm), khai thác hải sản 33.269 tấn (4.948 tấn tôm).

- Tình hình thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 2.411 tấn thủy sản (tôm sú 214 tấn, tôm thẻ 992 tấn), chế biến 1.236 tấn, tiêu thụ 1.025 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 7,2 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 6.139 tấn (tôm sú 553 tấn, tôm thẻ 2.364 tấn), chế biến 3.378 tấn, tiêu thụ 2.613 tấn, kim ngạch xuất khẩu 17 triệu USD.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh: Phân công cán bộ kỹ thuật xuống các địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi thủy sản và giám sát tình hình bệnh nhằm chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh. Kiểm dịch 2,25 tỷ con tôm

giống, cấp 377 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 97 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 20 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, 41 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; thực hiện 66 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 81 mẫu giáp xác, 16 mẫu bệnh phẩm phân tích phục vụ nuôi thủy sản.

e) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 517 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 19.314 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 2.894 cuộc lồng ghép tuyên truyền với 117.850 lượt người dự, các nội dung tuyên truyền là vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, trồng cây xanh làm hàng rào, cột cờ kết hợp với đèn chiếu sáng,...

+ Kết quả rà soát theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 85 xã: Đến nay có 23 xã đạt 19 tiêu chí (20 xã đã có quyết định công nhận); 05 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; 57 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, bình quân mỗi xã đạt 13,76 tiêu chí.

+ Ban Chỉ đạo nông thôn mới các xã quyết định công nhận 112.960 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới, chiếm 51,7% trên tổng số hộ phát động; 155 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới, chiếm 22,8% trong tổng số ấp.

+ Tham mưu phân bổ 123,6 tỷ đồng (vốn trung ương 33,6 tỷ, vốn trái phiếu chính phủ 60 tỷ, ngân sách tỉnh 30 tỷ) cho các địa phương thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, hỗ trợ đầu tư phát triển. UBND tỉnh đã ban hành quyết định phân bổ cho các địa phương (hỗ trợ đầu tư phát triển 19,1 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 14,5 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh 30 tỷ đồng). Riêng vốn trái phiếu Chính phủ chưa có quyết định phân bổ.

- Chương trình bố trí dân cư: Trình UBND tỉnh xin điều chỉnh, gia hạn thời gian thi công Kè bờ bên trái chiều dài 515m thuộc dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông, huyện Tiểu Cần, điều chỉnh dự án theo Quyết định cấp vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đăng ký điều chỉnh dự án gửi Sở Tài chính; trình UBND tỉnh xử lý hủy kết quả lựa chọn nhà thầu thi công hạng mục Đường giao thông liên ấp thuộc Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, trình Sở Tài chính về việc hướng dẫn thủ tục nộp Ngân sách Nhà nước bảo đảm dự thầu của nhà thầu trúng thầu Công ty TNHH Một thành viên Đại Hoàn Mỹ.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Hoàn thành 03 dự án chuyển tiếp, giải ngân nguồn vốn đầu tư phát triển 6,62 tỷ đồng, vượt 10% kế hoạch được giao (được bổ sung 624 triệu đồng). Đồng thời, Trung Tâm nước Sinh hoạt và VSMTNT được Ủy ban nhân dân tỉnh giao 06 tỷ đồng theo Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 để mở rộng trên 95 km các tuyến ống cấp nước tại các xã gặp khó khăn về nước sinh hoạt, đến nay đã được phê duyệt Dự toán và hoàn thành báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong tháng, lắp đặt cho 964 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã lắp đặt cho 88.170 hộ dân sử dụng nước máy và đầu tư mở rộng hơn 46 km tuyến ống cấp nước cung cấp nước sinh hoạt cho 2.854 hộ dân trên địa bàn 24 xã của 4 huyện

Càng Long, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú và thành phố Trà Vinh gặp khó khăn về nước sinh hoạt.

2. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch: Đang lập Hồ sơ yêu cầu dịch vụ tư vấn Dự án Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ tỉnh Trà Vinh và đề xuất bổ sung kinh phí sự nghiệp để triển khai thực hiện các dự án quy hoạch và đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản:

- Hoàn chỉnh dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Tỉnh ủy Nghị quyết lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 về việc chỉ định công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi; cung cấp vật tư chăn nuôi và cung cấp liệu tinh; đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo cho gia súc; cung cấp bình Nitơ lỏng; xử lý chất thải chăn nuôi năm 2016 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 về việc phê duyệt mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh.

~~Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 về việc công bố dịch bệnh đạo ôn hại lúa Hè thu năm 2016 trên địa bàn 2 huyện Càng Long và Cầu Kè, đồng thời ban hành Công văn số 778/SNN-KHTC ngày 22/7/2016 về việc triển khai thực hiện công tác phòng trừ dịch bệnh đạo ôn hại lúa Hè thu năm 2016.~~

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Kết hợp địa phương tổ chức thực hiện được 46 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 26.769 m, khối lượng 89.887 m³. Nâng tổng số đến nay thực hiện 855 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 658.289 m, khối lượng 1,87 triệu m³, vượt 22,8% kế hoạch cả năm.

- Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng 03 công trình: Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi trồng Thủy sản xã Long Vĩnh – Long Hữu, huyện Duyên Hải; Bờ bao An Hòa – Hòa An xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè; Nâng cấp đê bao cồn Bàn Chát xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè.

- Tổ chức nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng công trình Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2016 tại huyện Trà Cú với chiều dài 2.770 m.

- Tổ chức 16 đợt kiểm tra, phát hiện, xử lý 04 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức 100 đợt kiểm tra, phát hiện 24 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định.

d) Công tác xây dựng cơ bản: Triển khai thực hiện 23 dự án (01 dự án khởi công mới, 22 dự án chuyên tiếp), gồm: 09 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 12 công trình đê, kè; 02 công trình dân dụng, đã giải ngân 42,4 tỷ đồng đạt 20,8% kế hoạch (do bổ sung vốn). Đồng thời, đang thi công các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí và công trình khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn vụ Đông xuân năm 2016.

e) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

- Hợp tác xã (HTX): Hỗ trợ HTX nông nghiệp Dân Tiên, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè hoàn thành kế hoạch xây dựng mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới; hỗ trợ HTX thanh long ruột đỏ Đức Mỹ hoàn thành và đăng ký đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh năm 2016 với đề tài “Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và thương mại các sản phẩm giá trị gia tăng từ trái Thanh long của HTX Thanh long ruột đỏ Đức Mỹ”.

- Tổ hợp tác (THT): Hoàn thành kế hoạch xây dựng mô hình điểm THT chăn nuôi gà ấp Hưng Nhượng A, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long theo góp ý của các đơn vị liên quan và địa phương.

- Triển khai 01 lớp tập huấn thành lập mới HTX, 09 lớp tập huấn thành lập mới, củng cố THT (04 lớp tập huấn củng cố). Nâng tổng số đến nay tổ chức được 07/06 lớp, vượt 16% so với kế hoạch, 13 lớp tập huấn củng cố, thành lập mới THT, đạt 46% kế hoạch.

Ngoài ra, ngành đã hỗ trợ Công ty Lương thực Trà Vinh hoàn thành phương án cánh đồng lớn về sản phẩm cây lúa trên địa bàn tỉnh.

f) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm 19 cơ sở kinh doanh, chế biến thực phẩm, thủy sản, xay xát lúa gạo; kiểm tra, đánh giá 25 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông-lâm-thủy sản, kết quả xếp loại có 19 loại A, 06 loại B; cấp 09 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 06 mẫu thủy sản. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm 94 cơ sở kinh doanh thực phẩm, thủy - nông sản, xay xát lúa gạo; kiểm tra, đánh giá 128 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông - lâm - thủy sản, kết quả xếp loại có 86 loại A, 41 loại B, 01 loại C; cấp 59 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 338 mẫu (114 mẫu nông sản, 219 mẫu thủy sản, 05 mẫu nước tiểu heo thịt).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 57 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 10 tàu, đăng ký 14 tàu, xóa bộ 01 tàu, cấp 26 sổ danh bạ (98 thuyền viên), cấp 61 giấy phép khai thác thủy sản, 185 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 345 tàu cá (12 tàu cá ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 89 tàu, đăng ký 106 tàu, xóa bộ 09 tàu, cấp 125 sổ danh bạ (552 thuyền viên), cấp 280 giấy phép khai thác thủy sản, 839 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.204 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 94.470 CV (222 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 1.089 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 714 tấn hàng hóa, cho thuê mặt bằng với số tiền trên 119 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay tổ chức thu phí 4.478 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 4.228 tấn hàng hóa, cho thuê mặt bằng với số tiền trên 421 triệu đồng.

- Thanh tra, kiểm tra:

+ Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 96 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, các quy định về nuôi trồng thủy sản, quản lý giống thủy sản, an toàn thực phẩm nông- thủy sản cho 1.988 lượt người dự. Nâng tổng số đến nay tổ chức 167 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về an toàn thực phẩm nông, thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản cho 3.890 lượt người.

+ Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thú y thủy sản và giống thủy sản, khai thác và quản lý tàu cá, sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp đối với 15 cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, thu mua sơ chế thủy sản, 11 phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 49 tàu cá; thu, phân tích 05 mẫu; xử lý 04 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thú y thủy sản và giống thủy sản, khai thác và quản lý tàu cá, sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp đối với 165 cơ sở kinh doanh thuốc, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản, hộ chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, kinh doanh sản phẩm động vật, 114 phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 362 tàu cá; thu, phân tích 106 mẫu; xử lý 61 trường hợp vi phạm.

- Phối hợp kiểm tra, thanh tra liên ngành: Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, kết hợp với đoàn kiểm tra liên ngành huyện Châu Thành, Trà Cú và thành phố Trà Vinh, Sở Khoa học Công nghệ, Ban chỉ đạo 389 kiểm tra 129 cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến chủ yếu tập trung trên các mặt hàng thịt, sản phẩm từ thịt, rau, củ quả, thủy sản; thu, phân tích 20 mẫu, phát hiện 08 cơ sở vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định.

g) Công tác phát triển khoa học công nghệ, khuyến nông và công tác giống:

- Vụ Hè Thu khảo nghiệm 3 bộ giống lúa (bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh), diện tích 0,6 ha, lúa đang giai đoạn làm đòng; khảo nghiệm 0,7 ha giống bưởi da xanh xen dừa, hiện đang phát triển tốt. Thực hiện công tác kiểm định đồng ruộng vụ Hè Thu với tổng diện tích 116,3 ha, gồm các giống OM 5451, OM 49000, IR 50404, ML 202, Siêu Hàm Trâu tại các huyện Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú.

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn mặn, canh tác lúa 3 giảm 3 tăng, trồng ớt chỉ thiên, trồng bắp lai, bắp nếp, kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản, chăn nuôi heo, gà sinh sản theo hướng an toàn sinh học, chăn nuôi dê, kỹ thuật nuôi tôm sú theo VietGAP, nuôi tôm sú kết hợp cá rô phi, nuôi tôm – cua – vọp kết hợp trồng rừng, nuôi tôm càng xanh toàn đực, nuôi cá thác lác kết hợp cá sặc rần cho 1.884 lượt người; phân công cán bộ xuống địa bàn các huyện, thị xã, thành phố tư vấn kỹ thuật sản xuất cho người dân được 1.666 lượt hộ. Nâng tổng số đến nay tổ chức 308 lớp cho 8.954 lượt người (trồng trọt 107 lớp, 3.211 lượt người; chăn nuôi 64 lớp, 1.896 lượt người; thủy sản 137 lớp, 3.847 lượt người); phân công cán bộ xuống địa bàn trực tiếp tư vấn kỹ thuật sản xuất cho 3.000 lượt hộ.

- Kết hợp Đài Truyền hình Trà Vinh thực hiện 01 cuộc tọa đàm “Cải tạo đàn dê bằng phương pháp gieo tinh nhân tạo” tại xã Long Khánh, huyện Duyên Hải. Nâng tổng số đến nay thực hiện 01 bản tin thời sự, 03 cuộc phóng sự, 01 cuộc tọa đàm và 01 chuyên đề.

- Tiếp tục thực hiện 06 mô hình trình diễn: Mô hình sản xuất lúa lai thương phẩm, mô hình trồng bắp chuyển đổi gen, mô hình cải tạo đàn dê bằng phương pháp gieo tinh nhân tạo, mô hình chăn nuôi gà sinh sản theo hướng ATSH, mô hình nuôi cá kèo luân canh trong ao tôm, mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Vụ Hè Thu sản xuất 11,6 ha giống lúa OM 5451, OM 4900 (cấp xác nhận 1); nhân giống lúa OM 5451, diện tích 115 ha tại huyện Càng Long, Tiểu Cần, Trà Cú; nhân giống bưởi da xanh 10 ha tại các huyện Trà Cú, thành phố Trà Vinh, hiện đang hướng dẫn hộ dân xuống giống và chăm sóc cây con. Cung ứng 10,8 tấn lúa giống và 3.693 cây giống, nâng tổng số đến nay cung ứng 108,7 tấn lúa giống (8,5 tấn nguyên chủng) và 5.253 cây giống các loại.

+ Giống vật nuôi: Thực hiện 02 mô hình nhân giống gà tàu vàng sinh sản tại xã Đại Phước, Phương Thạnh, huyện Càng Long, hiện gà được 4 tháng tuổi, phát triển bình thường.

+ Giống thủy sản: Thực hiện 04 mô hình thực nghiệm: Nuôi vỗ và lưu giữ đàn cá tra bố mẹ đã qua chọn lọc từ viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II, chăm sóc đàn cá tra bố mẹ, sử dụng thức ăn công nghiệp thay thế thức ăn cá biển trong ương cá lóc từ bột lên giống, nuôi vỗ và sinh sản giống cua xanh có nguồn gốc địa phương. Sản xuất, cung ứng, điều tiết 0,86 triệu tôm càng xanh toàn đực, 2,15 triệu con sú giống, 80 ngàn con cua biển. Nâng tổng số đến nay đã cung ứng, điều tiết cho người nuôi được 11,5 triệu con post tôm sú, 1,27 triệu con tôm càng xanh toàn đực, 8,55 triệu con post tôm thẻ chân trắng, 1,4 triệu con cua biển.

h) Công tác khác:

- Làm việc với các địa phương theo chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy tại Thông báo số 304-TB/VPTU ngày 07/6/2016 về kiểm tra, rà soát, đánh giá kỹ lại hiệu quả hạ tầng phục vụ sản xuất, các quy hoạch, tái cơ cấu nông nghiệp, thủy sản, cơ chế chính sách của Trung ương và của tỉnh trong nông nghiệp, nông thôn.

- Làm việc với UBND huyện Càng Long về tình hình bệnh đạo ôn trên lúa.

- Tham mưu phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác tận thu gỗ đước chết trong khu bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn Long Khánh, huyện Duyên Hải; tổ chức thẩm định và trình phê duyệt dự toán thi công công trình trồng, chăm sóc rừng thuộc Dự án Trồng rừng phòng hộ ven biển tỉnh Trà Vinh.

- Trình phê duyệt Kế hoạch quan trắc môi trường và thu mẫu giám sát dịch bệnh động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Nhận xét, xin công nhận sản xuất thử các giống lúa mới của Viện lúa ĐBSCL; triển khai cho các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch chuyển từ trồng lúa sang trồng bắp theo quyết định 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai xây dựng kế hoạch, dự toán ngành năm 2017; báo cáo nhu cầu kinh phí cải cách tiền lương năm 2016.

- Hoàn chỉnh tổng hợp báo cáo: Sơ kết 3 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành trung ương Đảng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tổng kết công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn đợt ảnh hưởng của El Nino 2014 – 2016; Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, xây dựng kế hoạch 6 tháng cuối năm 2016 của ngành; tình hình triển khai chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2015 trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; báo cáo trả lời kiến nghị cử tri.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế:

- Nhiều loại sâu bệnh phát sinh trên lúa, đặc biệt là bệnh đạo ôn phải công bố dịch.

- Khai thác không có hiệu quả, sản lượng khai thác thủy, hải sản giảm đáng kể so với cùng kỳ.

~~- Việc chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang màu còn chậm, diện tích cây màu giảm so cùng kỳ.~~

- Diện tích và sản lượng cá tra có chiều hướng tăng trở lại, tuy nhiên còn thấp so với tiềm năng phát triển.

- Bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng trong nuôi tôm sú và tôm thẻ chân trắng vẫn còn xuất hiện rải rác.

- Công tác quản lý chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất gặp nhiều khó khăn; tình trạng vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm còn phổ biến và chậm được khắc phục.

- Sản xuất giống tại địa phương với qui mô nhỏ lẻ; công tác kiểm soát, quản lý chất lượng giống còn nhiều hạn chế, tình trạng tôm giống thả nuôi không qua kiểm dịch vẫn còn xảy ra. Các vùng sản xuất giống thủy sản, vùng nuôi tập trung chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng để kêu gọi doanh nghiệp tham gia thực hiện.

2. Nguyên nhân:

- Do mưa kéo dài trong nhiều ngày, độ ẩm tăng cao tạo điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh trên cây trồng phát sinh.

- Giá cả nguyên, nhiên vật liệu phục vụ khai thác thủy sản đứng ở mức cao, sản lượng tôm, cá gần bờ giảm, ngư dân khai thác không có hiệu quả nên hạn chế ra khơi.

- Chi phí đầu tư cho trồng màu cao so với trồng lúa, trong khi đó giá cả đầu ra luôn bấp bênh, chưa liên kết được đầu ra nên nông dân không mạnh dạn đầu tư.

- Dịch bệnh trong chăn nuôi luôn tiềm ẩn, sản xuất nông nghiệp là ngành sản xuất đặc thù, chịu tác động trực tiếp của thiên nhiên, thời tiết, tính rủi ro cao,

hiệu quả sản xuất và lợi nhuận thấp, do đó, các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này bị hạn chế.

- Thị trường tiêu thụ cá tra không ổn định, chưa liên kết được các đầu mối tiêu thụ nên nông dân treo ao hoặc chuyển sang nuôi các đối tượng khác.

- Vai trò quản lý nhà nước trong công tác quản lý giống và vật tư đầu vào còn nhiều mặt hạn chế. Sự phối hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương còn thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ; việc tuyên truyền, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập, do có trách nhiệm liên đới nhiều ngành.

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 8

1. Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

Tập trung, chỉ đạo đơn vị chuyên môn tăng cường công tác dự tính, dự báo, chăm sóc, bảo vệ diện tích lúa đã xuống giống. Phân công cán bộ chuyên môn phụ trách địa bàn, thường xuyên kiểm tra đồng ruộng nhằm hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh gây hại, đặc biệt là hướng dẫn nông dân phòng, trị bệnh đạo ôn lúa, hướng dẫn quy trình chăm sóc để cây lúa phục hồi.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Khuyến cáo người dân chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng các loại cây màu như bắp, đậu phộng, rau, củ các loại ở những nơi có điều kiện; hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trị các loại sâu bệnh gây hại.

In ấn tài liệu tập huấn phòng trừ sâu bệnh trên lúa và một số cây trồng chính; điều tra thống kê diện tích và bệnh chổi rồng trên cây nhãn và cây chôm chôm; bọ cánh cứng hại dứa; đốm nâu trên cây thanh long; tăng cường công tác nhân nuôi ong ký sinh phòng trừ bọ cánh cứng hại dứa và sâu đục trái bưởi.

b) Chăn nuôi, thú y: Vận động, tuyên truyền hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh ký cam kết thực hiện những quy định trong công tác phòng, chống dịch bệnh, chủ động tiêm phòng các loại vắc xin cho đàn vật nuôi; tuyên truyền các cơ sở hoạt động liên quan đến thú y, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, yêu cầu các cơ sở ký cam kết không sử dụng chất cấm; tăng cường kiểm tra, kiểm soát giết mổ và tình hình vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh. Tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý đàn chó, bắt chó thả rông năm 2016 và công tác quản lý heo đực giống trên địa bàn tỉnh; đôn đốc địa phương triển khai thực hiện chính sách phát triển chăn nuôi nông hộ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ năm 2016 và lập kế hoạch năm 2017.

c) Lâm nghiệp: Triển khai kế hoạch trồng rừng trên địa bàn các huyện Duyên Hải và Cầu Ngang thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh; kiểm tra chất lượng cây giống đạt tiêu chuẩn xuất vườn, tiếp tục triển khai thực hiện công tác trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch; hoàn chỉnh dự thảo quy định về chính sách bảo vệ rừng, gửi lấy ý kiến đóng góp các sở, ban ngành tỉnh và địa phương; xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất giống, nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh; tổ chức tuyên truyền pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng đến người

dân sinh sống trong và ven rừng phi lao trên địa bàn huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải; chuẩn bị công tác gieo ươm cây giống phục vụ kế hoạch trồng rừng năm 2017.

d) Thủy sản: Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và quản lý chặt chẽ tình hình sản xuất, kinh doanh giống, thức ăn, hóa chất, thú y thủy sản; tập trung chỉ đạo xuống giống tôm nước lợ các huyện ven biển; theo dõi, thống kê tình hình thiệt hại các loại thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ phụ trách địa bàn tư vấn kỹ thuật nuôi thủy sản cho người dân hạn chế thiệt hại khi nuôi trong mùa mưa, bão; thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường và thu mẫu giáp xác tại các cửa sông đầu nguồn vùng nuôi tôm trọng điểm; đối với vùng nuôi tập trung bị thiệt hại, khuyến cáo nông dân sử dụng hóa chất xử lý mầm bệnh trước khi thả ra môi trường. Phối hợp Đài truyền hình Trà Vinh thực hiện chương trình tọa đàm, chương trình khuyến nông có sự tham gia của nhà doanh nghiệp, nhà khoa học,... Tuyên truyền cho ngư dân trang bị các thiết bị an toàn cho thuyền viên và tàu cá trước khi ra khơi.

e) Công tác nông thôn mới: Tham mưu điều chỉnh, ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và đời sống văn hóa; Quyết định ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã Văn hóa; Quyết định hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới và xã Văn hóa. Tổ chức kiểm tra, hỗ trợ các xã phấn đấu đạt 19 tiêu chí trong năm 2016; đôn đốc địa phương khẩn trương hoàn chỉnh thủ tục triển khai thực hiện nguồn vốn đầu tư phát triển và hỗ trợ sản xuất. Xây dựng kế hoạch tập huấn các chuyên đề về xây dựng nông thôn mới năm 2016. Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác chuyên ngành:

- Kết hợp địa phương theo dõi cao trình nước, tiêu úng, xô phèn, phục vụ sản xuất. Tập trung theo dõi, giám sát thi công các công trình thủy lợi, xây dựng cơ bản chuyên tiếp từ năm 2015 và các công trình đầu tư mới năm 2016. Tiếp tục triển khai thi công các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2016; vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2015-2016.

- Tập trung chỉ đạo cán bộ kỹ thuật tư vấn trực tiếp, tổ chức 40 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản, phòng chống dịch bệnh; tiếp tục theo dõi, triển khai thực hiện các mô hình trình diễn, nhân rộng các mô hình có hiệu quả; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện các chuyên mục, phóng sự và bản tin về công tác khuyến nông; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện các dự án khuyến nông thuộc chương trình vốn sự nghiệp năm 2016. Kết hợp dự án AMD theo dõi và hướng dẫn các hộ thực hiện mô hình trồng gấc.

- Lắp đặt Pano tuyên truyền ATTP nông sản, thủy sản trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; tiếp tục thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản cho các hộ kinh doanh và người tiêu dùng;

tiếp nhận, hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản. Thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản định kỳ theo quy định.

- Điều tiết, sản xuất, cung ứng giống lúa, cây ăn trái, thủy sản phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Lắp đặt đồng hồ cấp nước sinh hoạt cho 500 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và kéo thêm tuyến ống cấp nước cho các xã gặp khó khăn về nước sinh hoạt trong mùa khô, hạn.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống (đặc biệt là lúa giống và tôm giống), vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho ngư dân; hướng dẫn nông, ngư dân ở vùng ven sông, ven biển, vùng có nguy cơ bị sạt lở chủ động di dời để hạn chế thiệt hại khi có mưa, lũ xảy ra.

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT, thủ trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện. / *Thật*

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN&PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.



BÁO CÁO 7 THÁNG ĐẦU NĂM
VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN



Mã số	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm	Thực hiện tháng 7	Ước TH 7 tháng đầu năm 2016	% so sánh với		
						Cùng kỳ	Kế hoạch	
A	B	4	1			3	4=3/1	
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
1.1	Cây lúa	Ha	80.039	167.000	24.852	78.334	97,87%	46,91%
	Vụ Thu Đông-mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	815	89.000	615	615	0,69%	
	- Diện tích thu hoạch	Ha		89.000			0,00%	
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha		54,20			0,00%	
	- Sản lượng	tấn		482.380			0,00%	
	Vụ Hè Thu							
	- DT gieo sạ	Ha	79.224	78.000	24.237	77.719	98,10%	99,64%
	- Diện tích thu hoạch		8.810	78.000	1.658	1.818	20,64%	2,33%
	- Năng suất	Tạ/ha	55,15	53,50	43,68	43,62	79,11%	81,54%
	- Sản lượng	tấn	48.583	417.300	7.243	7.931	16,32%	1,90%
1.2	Cây màu	Ha	41.218	57.330	3.888	37.653	91,35%	65,68%
1.2.1	Màu lương thực	Ha	6.067	9.350	574	4.775	78,70%	51,07%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4.068,84	6.000	287,3	3.079	75,68%	51,32%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.416,83	6.000	198	2.512	73,52%	41,87%
	- Năng suất	Tạ/ha	56,88	52	51,2	54,06	95,04%	103,95%
	- Sản lượng	Tấn	19.435	31.200	1.011	13.579	69,87%	43,52%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	966,83	1.550	121,3	832,44	86,10%	53,71%
	+ Diện tích thu hoạch	"	781,57	1.550	62	663,70	84,92%	42,82%
	+ Năng suất	Tạ/ha	177,95	159,70	175,46	175,41	98,57%	109,84%
	+ Sản lượng	Tấn	13.908	24.754	1.088	11.642	83,71%	47,03%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	671,48	1.150	103,2	574,70	85,59%	49,97%
	+ Diện tích thu hoạch	"	492,00	1.150	49	392,48	79,77%	34,13%
	+ Năng suất	Tạ/ha	162,17	151,50	154,1	154,7	95,38%	102,10%
	+ Sản lượng	Tấn	7.979	17.423	749	6.071	76,09%	34,84%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	360,31	650	62,5	288,62	80,10%	44,40%
	+ Diện tích thu hoạch	"	247,60	650	48	208,66	84,27%	32,10%
1.2.2	Cây thực phẩm	Ha	21.835	31.830	2.580	20.144	92,26%	63,29%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	21.129	31.000	2.557,4	19.529,15	92,43%	63,00%
	+ Diện tích thu hoạch	"	15.257,00	31.000	1.241	13.606,50	89,18%	43,89%
	+ Năng suất	Tạ/ha	222,6	223,94	241,97	243,73	109,49%	108,84%
	+ Sản lượng	Tấn	339.620	694.200	30.028	331.633	97,65%	47,77%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	705,55	830	22,2	614,60	87,11%	74,05%
	+ Diện tích thu hoạch	"	648,55	830	12	508	78,33%	61,20%
	+ Năng suất	Tạ/ha	15,4	16,58	14,8	15,3	99,22%	92,17%
	+ Sản lượng	Tấn	999	1.376	18	776	77,72%	56,41%
1.2.3	Cây công nghiệp hàng năm		11.755	13.500	502	10.395	88,43%	77,00%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.123,00	5.000	115,5	4.217	102,27%	84,33%

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm	Thực hiện tháng 7	Ước TH 7 tháng đầu năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích thu hoạch		3.813,85	5.000	89	3.715,60	97,42%	74,31%
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,25	53,00	51,66	51,84	97,36%	97,82%
	+ Sản lượng	Tấn	20.309	26.500	462	19.262,50	94,85%	72,69%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	5.941,00	6.100	172	4.538	76,39%	74,40%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.318,49	6.100	92	4.140	77,84%	67,87%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.097,00	1.100	1.066	1.064	97,04%	96,77%
	+ Sản lượng	Tấn	583.438	671.000	9.793	440.701	75,54%	65,68%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.691,00	2.400	215	1.641	97,02%	68,36%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.303,20	2.400	18	1.186,5	91,05%	49,44%
	+ Năng suất	Tạ/ha	110,74	103,40	110,5	110,5	99,75%	106,83%
	+ Sản lượng	Tấn	14.432	24.816	196	13.106	90,82%	52,81%
1.2.4	Cây trồng khác	Ha	1.561	2.650	232	2.340	149,87%	88,28%
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.561	2.650	232	2.340	149,87%	88,28%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.357	2.650	124	2.020	148,84%	76,22%
2	Cây lâu năm							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha			233			
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"			233			
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha			340			
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha			4971			
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây			50	41		82,00%
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
C	DIÊM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	34.399	42.700	2.527	36.838	107,09%	86,27%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	1.516	4.000	306	1.452	95,81%	36,31%
	- Diện tích nuôi cá	"	1.389	2.500	273	883	63,57%	35,31%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	2,39	50	5	29	1225,52%	58,58%
	+ Cá lóc	"	159,07	290	28	182	114,11%	62,59%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	127,25	1.500	33	570	447,68%	37,98%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	127,25	1.500	33	570	447,68%	37,98%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	32.883	38.700	2.221	35.385	107,61%	91,44%
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	32.858	37.000	2.221	35.090	106,79%	94,84%
	Trong đó: + Tôm sú	"	18.623	19.000	962	17.420	93,54%	91,69%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	3.330	5.000	704	4.063	122,03%	81,26%
	+ Cua biển	"	10.905	13.000	555	13.607	124,77%	104,67%

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm	Thực hiện tháng 7	Ước TH 7 tháng đầu năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	25	1.700	-	295	12	17,35%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống SX	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	88.074	181.000	15.902	85.432	97,00%	47,20%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	43.234	101.200	10.931	47.340	109,50%	46,78%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	24.046	55.500	3.167	27.089	112,66%	48,81%
	- Sản lượng cá	"	23.733	55.000	3.052	26.800	112,92%	48,73%
	Trong đó: Cá tra, cá ba sa	"	2.334	10.000		5.371	230,07%	53,71%
	+ Cá lóc	"	14.774	27.000	2.118	14.716	99,61%	54,51%
	- Sản lượng giáp xác	"	312	500	115	289	92,39%	57,70%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	312	500	115	289	92,39%	57,70%
	- Sản lượng thủy sản khác	"					#DIV/0!	
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	19.188	45.700	7.764	20.252	105,54%	44,31%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	18.560	43.500	7.468	19.100	102,91%	43,91%
	Trong đó: + Tôm sú	"	5.869	14.500	2.064	5.290	90,15%	36,49%
	+ Tôm chân trắng	"	9.409	21.000	3.911	10.559	112,22%	50,28%
	+ Nuôi cua biển	"	3.282	8.000	1.494	3.251	99,04%	40,64%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	629	2.200	296	1.152	183,17%	52,35%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	44.841	79.800	4.971	38.092	84,95%	47,73%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	38.202	65.900	4.401	33.269	87,09%	50,48%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	16.262	25.000	1.779	13.117	80,66%	52,47%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	5.195	8.900	976	4.948	95,24%	55,59%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	16.745	32.000	1.645	15.205	90,80%	47,51%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	6.638	13.900	570	4.823	72,65%	34,70%
	Trong đó: - Cá các loại	"	3.150	6.500	228	2.098	66,60%	32,28%
	- Tôm các loại	"	2.466	4.200	225	1.869	75,79%	44,51%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	1.022	3.200	117	856	83,73%	26,74%